

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/DS-ST
Ngày: 22 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hiếu;

Bà Huỳnh Khiết Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Hồng Đ, sinh ngày 15/12/1968

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh ngày 10/10/1968, theo Giấy ủy quyền ngày 06/12/2023

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn D (Queo)

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 02/12/2023, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/01/2024 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án.

-Nguyên đơn bà Tạ Thị Hồng Đ trình bày:

Nguyên bà làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị L cùng em ruột ông Nguyễn Văn D tham chung một phần, trong dây hụi bà L đứng tên là hụi viên, sau khi bà L và ông D hốt hụi, thì không đóng lại hụi chết cho bà, cụ thể như sau:

Vào ngày 10/09/2014 (âm lịch), bà có mở một dây hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, có 26 phần, bà L và ông D, hai chị em ruột, cùng tham gia chung một phần, để tên L trong danh sách hụi viên, đến lần Thứ 5, khui vào ngày 10/10/2015 (âm lịch), thì bà L và ông Dương h với tổng số tiền là 61.410.000 đồng.

Như vậy, bà L và ông D còn phải đóng lại 21 phần hụi chết, với số tiền là 105.000.000 đồng (Một trăm lẽ năm triệu đồng) và được chia ra mỗi người trả phân nửa, tức là mỗi người phải trả bằng 52.500.000 đồng, cho đến khi mãn dây hụi vào ngày 10/11/2020.

Từ khi hốt xong, bà L và ông D thực hiện đóng hụi đầy đủ cho đến ngày 10/09/2017, thì không đóng hụi nữa, bà có đến gia đình đòi và được bà L và ông D hứa trả dần, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị L hứa trả dần cho bà hàng tháng, với số tiền có nhiều trả nhiều, lúc đầu bà L có thực hiện, nhưng sau hai, ba tháng mới trả một lần, cho đến cuối năm 2022, và từ đầu năm 2023 đến tháng 7/2023, bà L trả cho bà 03 lần tổng cộng bằng 600.000 đồng, thì bà L không thực hiện trả nợ hụi nữa. Tính chung, tổng số tiền bà L trả cho bà đến nay là 33.500.000 đồng, như vậy, số tiền bà L còn thiếu là 19.000.000 đồng (bằng 52.500.000 đồng trừ 33.500.000 đồng).

- Ông Nguyễn Văn D cũng hứa trả dần cho bà hàng tháng, nhưng không thực hiện theo lời hứa, đôi ba tháng, ông D mới trả một lần với số tiền không vượt quá 500.000 đồng, từ cuối năm 2022 và ngày 05/01/2023, ông D chỉ trả cho bà 400.000 đồng, thì ông D không thực hiện trả nợ hụi nữa. Tính chung, tổng số tiền ông D trả từ đầu đến nay là 24.400.000 đồng, như vậy, số tiền ông D còn thiếu là 28.100.000 đồng (bằng 52.500.000 đồng trừ 24.400.000 đồng).

Nay bà Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả tổng số tiền hụi chết còn thiếu 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/11/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả tổng số tiền hụi chết còn thiếu là 28.100.000 đồng. Yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/11/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà có nhận được thông báo thụ lý của

Tòa án về việc bà Tạ Thị Hồng Đ khởi kiện yêu *cầu trả số tiền hụi* 19.000.000 đồng. Bà *thừa nhận có tham gia chơi hụi*, theo đúng như lời trình bày của bà Đ đã nêu trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2023. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Đ, bà đồng ý trả số tiền hụi 19.000.000 đồng, nhưng xin trả dần hàng tháng 200.000 đồng, đến khi hết nợ.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt, không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Hồng Đ.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho rằng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người đại diện **theo ủy quyền** của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào vào điểm b khoản 2 **Điều 227 và khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết hợp đồng góp hụi với nhau, theo dây hụi mùa mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Căn cứ vào danh sách hụi viên và các biên nhận tiền mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn D biết về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền hụi 28.100.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn D không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra; còn bị đơn L thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hụi

19.000.000 đồng. Cho nên, đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: “Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật này quy định: “Họ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 92 và 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội 19.000.000 đồng; buộc bị đơn D phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội 28.100.000 đồng. Đồng thời buộc các bị đơn trả lãi đối với số tiền chậm trả như sau:

- Thời gian tính lãi từ ngày 10/11/2020 đến ngày 22/5/2024 là 03 năm 06 tháng 10 ngày; mức lãi suất 10/năm (thành tiền:

- Bà L: $19.000.000 \text{ đồng} \times 42,33 \text{ tháng} \times 0,83\%/ \text{tháng} = 6.675.441 \text{ đồng}$.

- Ông D: $28.100.000 \text{ đồng} \times 42,33 \text{ tháng} \times 0,83\%/ \text{tháng} = 9.872.625 \text{ đồng}$.

[6] Đối với yêu cầu xin trả dần hàng tháng 200.000 đồng của bị đơn L, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận, mà yêu cầu trả ngay 01 lần, cho nên Hội đồng xét xử không cơ sở xem xét, chấp nhận. Tuy nhiên, các đương sự có thể thỏa thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bị đơn L phải chịu án phí có giá ngạch là $25.675.441 \text{ đồng} \times 5\% = 1.283.772 \text{ đồng}$.

- Buộc bị đơn D phải chịu án phí có giá ngạch là $37.972.625 \text{ đồng} \times 5\% = 1.898.631 \text{ đồng}$.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, các điều 91, 92, và 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, **357** và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Hồng Đ, buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số **tiền nợ hui** cụ thể là: Bà L phải trả 25.675.441 đồng (trong đó nợ 19.000.000 đồng, lãi 6.675.441 đồng); ông D phải trả 37.972.625 đồng (trong đó nợ 28.100.000 đồng, lãi 9.872.625 đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà L phải chịu 1.283.772 đồng; Buộc ông D phải chịu 1.898.631 đồng; Bà Đ không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.178.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001057, ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-ChỦ TỌA phiên tòa

- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

Trần Vinh Thắng